

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số: 55/2021/HC-ST

Ngày: 30/3/2021

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành  
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Kiều T***

Các Hội thẩm nhân dân: ***Bà Nguyễn Vũ Thị Tuyết M***

***Ông Nguyễn Việt C***

Thư ký phiên tòa: ***Ông Trần Minh H*** – Thư ký Tòa án nhân dân TP H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:

***Bà Đinh Thị Tuyết M - Kiểm sát viên.***

Ngày 26,30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 44/2020/HCST ngày 02/3/2020 về yêu cầu hủy Quyết định 1402/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B v/v phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ chi tiết; Quyết định 3098/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B v/v giải quyết khiếu nại (lần đầu); Quyết định 6914/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố H v/v giải quyết khiếu nại (lần hai) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HC ngày 5/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 27 /2021/QĐHPT-HC ngày 16/3/2021 giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:** Ông ***Nguyễn Văn T***, sinh năm 1953. Địa chỉ: Tổ dân phố Yên N 1, phường Liên M, quận B, thành phố H (có mặt)

**Đại diện ủy quyền:** Ông Nguyễn Phan H, sinh năm 1951. Địa chỉ: Tổ dân phố Trung 6, phường T, quận B, thành phố H (có mặt) *theo văn bản ủy quyền số công chứng 408.2021/HĐ-UQ ngày 14/1/2021 Văn phòng Công chứng Tây Đô.*

**Người bị kiện:** ***1. Ủy ban nhân dân quận B, H.***

Địa chỉ trụ sở: Phường P, quận B, thành phố H

**Đại diện pháp luật:** Ông Lưu Ngọc H, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Cao Ngọc H, chức vụ: Chuyên viên phòng Tài nguyên môi trường UBND quận B (vắng mặt).

**2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, thành phố H.**

Địa chỉ trụ sở: Phường P, quận B, thành phố H

*Đại diện pháp luật:* Ông Lưu Ngọc H, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Cao Ngọc H, chức vụ: Chuyên viên phòng Tài nguyên môi trường UBND quận B (vắng mặt).

**3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H**

Địa chỉ trụ sở: Số 79 Đinh Tiên Hoàng, phường L, quận H, thành phố H

*Đại diện ủy quyền:* Ông Nguyễn Trọng Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch (vắng mặt) *theo văn bản ủy quyền số 03/GUQ-UBND ngày 11/1/2021*

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

**1. Ủy ban nhân dân phường Liên M, quận B**

Địa chỉ trụ sở: Số 55 Yên N, phường Liên M, quận B, thành phố H

*Đại diện ủy quyền:* Ông Đoàn Mạnh H, chức vụ: Phó Chủ tịch (vắng mặt) *theo văn bản ủy quyền số 476/QĐ-UBND ngày 23/12/2020*

**2. Hợp tác xã Yên N**

Địa chỉ trụ sở: Số 110/1 đường Liên M, TDP Yên N 3, phường Liên M, quận B, thành phố H

*Đại diện pháp luật:* Ông Nguyễn Văn C, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

**3,4,5,6,7,8,9,10: Bà Nguyễn Thị N (SN 1954), Chị Nguyễn Thị T (SN 1979), chị Nguyễn Thị H (SN 1977), chị Nguyễn Thị L (SN 1984), chị Nguyễn Thị Hg (SN 1982), anh Nguyễn Văn C (SN 1975), anh Nguyễn Văn C (SN 1977), chị Nguyễn Thị N (SN 1996), anh Nguyễn Văn L (1989).**

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Yên N 2, phường Liên M, quận B, thành phố H (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện trình bày:* Năm 1981, gia đình ông được HTX Yên N giao diện tích đất nông nghiệp (bao gồm đất cây lúa, đất trồng màu khu bãi và khu sống cao) để sản xuất theo mô hình kinh tế hộ (có xác nhận của HTX Yên N) với diện tích: 2435 m<sup>2</sup>. Năm 2000, gia đình ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 2021m<sup>2</sup>, bao gồm:

- Thửa số 580, tờ bản đồ số 16, có diện tích: 996 m<sup>2</sup>
- Thửa số 429, tờ bản đồ số 16, có diện tích: 429 m<sup>2</sup>

- Thửa số 51, tờ bản đồ số 15, có diện tích: 573 m<sup>2</sup>
- Thửa số 62, tờ bản đồ số 15, có diện tích: 267 m<sup>2</sup>

Diện tích còn lại 414 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp cũng được giao từ năm 1981 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này gia đình ông sử dụng ổn định từ lúc nhận giao khoán đến nay và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

Ngày 11/4/2016, UBND quận B ra Quyết định số 1331/QĐ-UBND thu hồi 58m<sup>2</sup> đất nông nghiệp thuộc thửa đất thửa đất số 548, tờ bản đồ số 16 của gia đình ông để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học H trên địa bàn phường Liên M. Cùng ngày gia đình ông nhận được Quyết định số 1402/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình ông. Cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất 58m<sup>2</sup> : 11.692.800 đồng
- Bồi thường, hỗ trợ về tài sản : 13.493.645 đồng

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường là: 25.186.445 đồng. Số tiền này gia đình ông đến nay chưa nhận.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ nên ông đã làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND quận B, thành phố H.

Ngày 29/7/2016, gia đình ông nhận được Quyết định số 3098/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông. Nội dung quyết định này là giữ nguyên Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 và Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình ông.

Sau khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 3098/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B, gia đình đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố H.

Ngày 05/7/2019, sau gần 3 năm, gia đình ông mới nhận được Quyết định số 6914/QĐ-UBND đề ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của gia đình ông. Nội dung quyết định này là đồng ý Quyết định 3098/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại của gia đình ông.

Như vậy, việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố H là không đúng theo quy định pháp luật, cụ thể:

- Tại phương án giao đất theo nghị định 64/CP của UBND xã Liên M (nay là UBND phường Liên M), gia đình ông có 10 nhân khẩu, được giao 2580m<sup>2</sup> đất nông nghiệp nhưng thực tế mới được cấp Giấy chứng nhận 2021m<sup>2</sup>, thiếu 559m<sup>2</sup> so với phương án được giao. Để đảm bảo quyền lợi, cần phải cân đối lại diện tích theo nghị định 64/CP. Như thế, diện tích 58m<sup>2</sup> bị thu hồi sẽ nằm trong 559m<sup>2</sup> giao theo nghị định 64/CP. Mặt khác, nếu xác định theo nguồn gốc ban đầu thì đây là đất gia đình ông nhận

khoán từ HTX Yên N. Và theo văn bản số 3599/UBND-ĐCNN ngày 09/6/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố H nay là Điểm d khoản 1 điều 19 nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi tại điểm e khoản 1 mục 5 điều 4 nghị định 01/2017/NĐ-CP; Khoản 1 điều 20 nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi tại mục 6 điều 4 nghị định số 01/2017/NĐ-CP

Kết quả xác minh của thanh tra thành phố: “Diện tích 58m<sup>2</sup> không nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo nghị định số 64/CP của Chính phủ cho hộ gia đình ông T, thực tế hộ gia đình ông T đã được Hợp tác xã nông nghiệp Yên N giao khoán từ khoán 100, khoán 10 và sử dụng ổn định đến thời điểm Nhà nước thu hồi thực hiện Dự án Khu công nghệ cao sinh học H. Chính quyền địa phương không sử dụng bất kỳ biện pháp gì (thông báo, thu hồi lại, ký hợp đồng thuê thầu...) để quản lý đối với phần diện tích này.”

Như vậy, nguồn gốc sử dụng đất ông trình bày ở trên phù hợp với kết quả xác minh của thanh tra thành phố H và các quy định pháp luật, gia đình ông đủ điều kiện được hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề đối với diện tích 58m<sup>2</sup> đất bị thu hồi.

Về tài sản trên đất (bể xây, giếng, nhà ni lông, hàng rào thép gai...): Đây đều là công trình xây dựng phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND phường Liên M song được UBND phường Liên M tạo điều kiện cho xây dựng mà không xử lý. Do đó, cần áp dụng khoản 2 điều 12 quyết định số 10/2017 của UBND thành phố H để được bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng nhằm đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông.

Từ những căn cứ pháp luật nêu trên, gia đình ông phải được bồi thường, hỗ trợ bổ sung như sau:

- Hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề: 58m<sup>2</sup> x 201.600 đồng x 5 = 58.290.000 đồng;

- Tài sản trên đất:

Gạch xây: (1,53 x 1.315.288) đồng x 20% = 402.478 đồng

Khối lượng trát: (14,04 x 47.291) đồng x 20% = 132.793 đồng

Giếng khoan: 1 x 209.000 đồng x 20% = 41.800 đồng

Nhà lưới ni lông, khung tre: 58 x 10.000 đồng x 90% = 4.023.000 đồng

Hàng rào lưới thép B40: 62,72 x 255.000 đồng x 90% = 51.867.000 đồng

Tổng cộng là: 114.757.071 đồng (một trăm mười bốn triệu bảy trăm năm bảy nghìn không trăm bảy mươi một đồng ).

Và như ông được biết, một số hộ dân ở phường Liên M, phường T, phường Thượng C, phường Thụy P bị thu hồi đất để thực hiện dự án có diện tích như gia đình tôi bị thu hồi nhưng không được bồi thường, hỗ trợ nghề. Các hộ dân đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố H và Tòa án nhân dân thành phố H đã căn cứ điều 74, điều 75 Luật đất đai 2013 và điểm d khoản 1 điều 19, khoản 1 điều 20 nghị định 47/2014/NĐ-CP

được sửa đổi, bổ sung theo nghị định 01/2017/NĐ-CP xử hủy quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố H (có kèm theo đơn này).

Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H : Căn cứ điểm d khoản 1 điều 19, khoản 1 điều 20 nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo nghị định 01/2017/NĐ-CP; khoản 2 điều 12 quyết định 10/2017 của UBND thành phố H , đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H xét xử hủy:

Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết

Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu

Quyết định số 6914/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai

Yêu cầu UBND quận B ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông số tiền là: 114.757.071 đồng (một trăm mười bốn triệu bảy trăm năm bảy nghìn không trăm bảy mươi một đồng ).

***Người bị kiện là đại diện UBND quận B và Chủ tịch UBND quận B trình bày:*** Khu xứ đồng Sóng cao thuộc thôn Yên N xã Liên M , huyện Từ Liêm, thành phố H (nay là TDP Yên N, phường Liên M , quận B , thành phố H ). Tại thời điểm giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, khu đất trên thuộc quỹ đất nông nghiệp được đưa vào để giao đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, Hợp tác xã Yên N có 02 đội sử dụng diện tích đất ngoài bãi sông Hồng và 01 đội sử dụng đất trong đồng (Khu sóng cao), các hộ ý kiến nếu cấp sổ đỏ trong khu sóng cao thì phải cấp sổ cho cả khu ngoài bãi sông. Do đó, Hợp tác xã Yên N trước đây đã thống nhất để lại không giao diện tích đất Khu xứ đồng Sóng Cao.

UBND xã Liên M trước đây thực hiện việc giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ theo hình thức bình quân nhân khẩu trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất của các hộ sử dụng từ khoán 10, khoán 100 và cân đối diện tích hộ thừa cho hộ thiếu. Nhưng khi triển khai việc giao đất nông nghiệp đã không thực hiện được việc cân đối giữa các hộ sử dụng thừa và thiếu so với phương án cho các hộ gia đình, cá nhân. Dẫn đến hiện nay tại phường Liên M vẫn đang sử dụng tồn tại các hộ dân sử dụng thừa và các hộ dân sử dụng thiếu so với phương án.

Diện tích đất thuộc khu xứ đồng Sóng Cao không được thống kê vào hiện trạng sử dụng đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T tại Phương án giao đất nông nghiệp chi tiết và được xác định là đất nông nghiệp không giao do UBND xã quản lý. Theo phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của UBND xã Liên M (nay là UBND phường Liên M ), hộ gia đình ông Nguyễn Văn T có 10 nhân khẩu, được giao 2580m<sup>2</sup> đất nông nghiệp trong tổng số 2435m<sup>2</sup> đất hộ gia đình đang sử dụng. Trên thực tế hộ gia đình ông T được cấp GCN QSD 2021m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, thiếu 559m<sup>2</sup> so với phương án được giao.

Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T không thực hiện việc kê khai đề nghị giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng tại Xứ đồng Sóng Cao và cũng không có khiếu nại, ý kiến về việc giao đất của UBND xã Liên M , UBND huyện T trước đây. Do Hội đồng giao đất nông nghiệp xã Liên M không lập phương án giao đất tại khu xứ đồng Sóng Cao và hộ gia đình ông Nguyễn Văn T không kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên UBND huyện Từ Liêm trước đây không xem xét việc giao đất, cấp GCN QSDĐ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T đang sử dụng đất tại khu vực này. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T vẫn sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại Khu Sóng cao từ thời điểm khoán 10, khoán 100 đến nay. UBND xã Liên M , UBND huyện Từ Liêm trước đây không thực hiện việc thu hồi đất lại diện tích đất nông nghiệp không giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T tại khu xứ đồng Sóng Cao để quản lý theo quy định và cũng không ký hợp đồng thuê đất đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất. Diện tích 58m<sup>2</sup> đất thửa đất số 548, tờ bản đồ số 16, bản đồ năm 1994 phường Liên M ) do hộ gia đình ông Nguyễn Văn T đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không giao do UBND phường Liên M quản lý (không thuộc diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình được giao theo Nghị định 64/CP).

Việc thu hồi đất và lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn T : Ngày 17/6/2008, Tổ công tác có Biên bản điều tra, xác minh diện tích đất thu hồi trong chỉ giới GPMB là 58m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 548, tờ số 16 bản đồ đo vẽ năm 1994 phường Liên M . Ngày 11/10/2008, UBND xã Liên M (nay là UBND phường Liên M ) có xác nhận về đất và tài sản trên đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất phục vụ công tác GPMB thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học H. Ngày 04/5/2015, UBND phường Liên M có xác nhận bổ sung về thời điểm sử dụng đất thửa đất số 548, tờ số 16 hộ gia đình ông Nguyễn Văn T sử dụng trước ngày 01/7/2004. Ngày 11/4/2016, UBND quận B ban hành quyết định số 1331/QĐ-UBND về việc thu hồi 58m<sup>2</sup> đất nông nghiệp không giao do UBND phường Liên M quản lý hiện hộ gia đình ông Nguyễn Văn T đang sử dụng trước ngày 01/7/2004. Ngày 11/4/2016, UBND quận B ban hành Quyết định số 1402/QĐ-UBND của về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn T đã tính bồi thường với tổng số tiền bồi thường hỗ trợ là 25.186.445 đồng; cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất: 11.692.800 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ về hoa màu: 7.128.000 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ công trình: 6.365.645 đồng.

Về quá trình giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T : Ông Nguyễn Văn T khiếu nại Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về việc thu hồi đất tại phường Liên M để thực hiện dự án khu công nghệ cao sinh học H và Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn T tại dự án xây dựng khu công nghệ cao sinh học H với các nội dung đề nghị: được hỗ trợ đào tạo,

chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 05 lần giá đất nông nghiệp; bồi thường, hỗ trợ về công trình theo phương án dự thảo bồi thường hỗ trợ ngày 22/6/2015. Ngày 30/5/2016, UBND quận B ban hành Thông báo số 792/TB-UBND về việc thụ lý khiếu nại. Ngày 30/5/2016, Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định số 2136/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại. Theo phiếu xác nhận ngày 04/6/2015 của UBND phường Liên M, hộ gia đình ông Nguyễn Văn T xây dựng công trình trên diện tích đất bị thu hồi để phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND xã Liên M; Do đó, được hỗ trợ về công trình bằng 80% mức bồi thường đơn giá đối với công trình xây dựng trước ngày 15/10/1993 và hỗ trợ 10% đối với công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 14 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND thành phố H.

Như vậy, các công trình xây dựng của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND phường Liên M song đã được UBND phường Liên M tạo điều kiện cho xây dựng mà không xử lý; Do đó, cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 12 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố H để được bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng. Ngày 21/7/2016, phòng Thanh tra quận B có Báo cáo số 299/BC-TTr về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn T. Địa chỉ: TDP Yên N, phường Liên M, quận B.

Ngày 29/7/2016, Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 3098/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn T địa chỉ tại phường Liên M, quận B, H với nội dung giữ nguyên Quyết định số 1331/QĐ-UBND và Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B. Ngày 15/12/2016, Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 6914/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T địa chỉ TDP Yên N, Liên M, B (lần hai) với nội dung: Đồng ý Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, đến nay UBND quận B chưa ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung phương án BTHT cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T theo Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B do dự án Xây dựng công nghệ cao sinh học chưa được gia hạn triển khai thực hiện dự án và chưa được ứng vốn nên chủ đầu tư chưa có cơ sở thực hiện.

Quan điểm của UBND quận B: Việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn T tại dự án Khu công nghệ cao sinh học H: Diện tích 58m<sup>2</sup> đất do hộ gia đình ông Nguyễn Văn T đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không được giao theo Nghị định 64/CP; Do đó, ngày 11/4/2016, UBND quận B ban hành Quyết định số 1331/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 3098/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn T (trước thời điểm Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ đã có hiệu lực thi hành) đã bồi thường

01 lần giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2, Điều 77, Luật Đất đai năm 2013, không tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 1, Điều 20, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tại thời điểm UBND quận B ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án BTHT đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn T (ngày 11/4/2016) chưa ban hành Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Việc UBND quận B không phê duyệt chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn T là đúng theo quy định tại Khoản 1, Điều 20, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc khiếu nại lần 1 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung đảm bảo quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường Liên M trình bày:*** Nhất trí với các nội dung trình bày của UBND quận B .

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị N, Chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn Ch, chị Nguyễn Thị Ng, anh Nguyễn Văn L*** thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T

Tại phiên tòa: Đại diện ủy quyền của ông T sau khi trình bày tranh luận đã đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện để đảm bảo quyền và lợi ích theo đúng quy định pháp luật cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T .

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa:*** Hoạt động thụ lý và tiến hành tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng quy định; đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, Luật Đất Đai năm 2013, Luật Khiếu nại và các văn bản pháp luật có liên quan:

- Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T
- Về án phí HCST: Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm do không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về tố tụng:** Đối tượng khởi kiện là các Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và Quyết định số 6914/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai đều là các quyết định hành chính được ban hành trong quá trình thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng trong



lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng ngày 15/11/2019 ông Nguyễn Văn T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố H yêu cầu hủy Quyết định số 6914/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai và sau đó ông Nguyễn Văn T tiếp tục bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 4/8/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu. Theo ông T trình bày mặc dù ông nộp đơn khiếu nại lần 2 từ năm 2016 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H giải quyết khiếu nại cùng ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 6914/QĐ-UBND từ ngày 15/12/2016, nhưng gia đình ông không nhận được Quyết định này. Ngày 22/7/2019, gia đình ông mới được giao nhận được Quyết định và ngày 15/11/2019 ông mới thực hiện được việc nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Ông có xuất trình Biên bản bàn giao quyết định của Ban tiếp công dân thành phố H ngày 22/7/2019 cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố H có yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố H cung cấp tài liệu chứng cứ về việc bàn giao Quyết định số 6914/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 cho ông Nguyễn Văn T nhưng không được cung cấp. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định ngày ông Nguyễn Văn T nhận được Quyết định số 6914/QĐ-UBND là ngày 22/7/2019 để tính thời hiệu khởi kiện và căn cứ điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện của ông T đảm bảo về thời hiệu.

Khi xem xét tính hợp pháp của các Quyết định bị khởi kiện, Hội đồng xét xử xem xét cả tính hợp pháp của Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T để thực hiện dự án khu công nghệ cao sinh học H.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố H ; Chủ tịch và UBND quận B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa, Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố H ; Chủ tịch và UBND quận B , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND phường Liên M , Hợp tác xã Yên N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 156 và khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

## **[2] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính:**

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành và tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Ủy ban nhân dân Quận B ban hành các Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T để thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học H và Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết là đúng pháp

luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai năm 2013 và Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 6914/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại của ông Nguyễn Văn T là đúng pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại.

[2.2] Về các nội dung của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Diện tích 58m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 548, tờ bản đồ số 16, bản đồ năm 1994 phường Liên M hộ gia đình ông Nguyễn Văn T sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học H có nguồn gốc là đất nông nghiệp, hộ gia đình ông Nguyễn Văn T sử dụng từ khoán 100, khoán 10, nhưng không nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ cho hộ gia đình ông T.

Theo phương án chi tiết giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/NĐ-CP cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T lưu tại UBND phường Liên M thể hiện: số nhân khẩu được giao: 10 khẩu, diện tích được giao: 2580 (bình quân 258m<sup>2</sup>/khẩu) và đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp.

Trên thực tế, ngoài diện tích đất nông nghiệp được giao theo Nghị định số 64/CP nêu trên, hộ gia đình ông T còn sử dụng 58m<sup>2</sup> đất nông nghiệp (bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học H) từ trước thời điểm thực hiện giao đất theo Nghị định số 64/CP để sản xuất nông nghiệp cho đến khi Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án. Chính quyền địa phương không thực hiện bất kỳ biện pháp gì (thông báo, thu hồi lại, ký hợp đồng thuê thầu...) để quản lý đối với phần diện tích này.

Đối với diện tích 58m<sup>2</sup> hộ gia đình ông Nguyễn Văn T đang sử dụng bị thu hồi tại dự án xây dựng Khu công nghệ cao sinh học trên địa bàn phường Liên M (thửa đất số 548, tờ bản đồ số 16, bản đồ năm 1994 phường Liên M) là đất nông nghiệp không giao do UBND phường Liên M quản lý (không thuộc diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình được giao theo Nghị định 64/NĐ-CP); Do đó, ngày 11/4/2016, UBND quận B ban hành Quyết định số 1331/QĐ-UBND về việc thu hồi 58m<sup>2</sup> đất nông nghiệp không giao do UBND phường Liên M quản lý, hiện hộ gia đình ông Nguyễn Văn T đang sử dụng là đúng quy định.

Tại phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn T đã tính bồi thường về đất theo giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013, không được tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm

việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Vì vậy, ông Nguyễn Văn T đề nghị được bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp đối với phần diện tích 58m<sup>2</sup> đất nông nghiệp hộ gia đình đang sử dụng là không có cơ sở.

Theo phiếu xác nhận bổ sung ngày 04/6/2015 của UBND phường Liên M, hộ gia đình ông Nguyễn Văn T xây dựng công trình trên diện tích đất bị thu hồi để phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND xã Liên M; Do đó, được hỗ trợ về công trình bằng 80% mức bồi thường đơn giá đối với công trình xây dựng trước ngày 15/10/1993 và hỗ trợ 10% đối với công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 14 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND thành phố H.

Tuy nhiên, ngày 27/6/2016, UBND phường Liên M có văn bản số 205/UBND-ĐC đề nghị UBND Quận xem xét bồi thường, hỗ trợ phần công trình trên đất nông nghiệp cho các hộ gia đình với nội dung: “UBND xã Liên M trước đây (nay là UBND phường Liên M) tạo điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp được xây dựng một số công trình phụ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp không lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và trật tự xây dựng gồm các công trình: bể phân; giếng khoan; nhà lưới ni lông, khung tre; hàng rào lưới B40; tường rào xây gạch, nhà tạm để dụng cụ sản xuất nông nghiệp và trông nom tài sản”. Như vậy, các công trình xây dựng của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND phường Liên M song đã được UBND phường Liên M tạo điều kiện cho xây dựng mà không xử lý; Do đó, cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 12 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố H để được bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng. Và tại Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu đã quyết định bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng cho hộ gia đình ông T.

Như vậy, Hội đồng xét xử xác định diện tích 58m<sup>2</sup> đất do hộ gia đình ông Nguyễn Văn T đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không được giao theo Nghị định 64/CP; Do đó, ngày 11/4/2016, UBND quận B ban hành Quyết định số 1331/QĐ-UBND về việc thu hồi 58m<sup>2</sup> đất nông nghiệp và Quyết định số 1402/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn T đã bồi thường 01 lần giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2, Điều 77, Luật Đất đai năm 2013, không tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 1, Điều 20, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 6914/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Nguyễn Văn T là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung đảm bảo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, ông Nguyễn Văn T trình bày một số hộ dân ở phường Liên M, phường Tây Tựu bị thu hồi đất để thực hiện dự án có diện tích như gia đình ông bị thu hồi nhưng không được bồi thường, hỗ trợ nghề và tìm kiếm việc làm. Các hộ dân đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố H và Tòa án nhân dân thành phố H đã căn cứ điều 74, điều 75 Luật đất đai 2013 và điểm d khoản 1 điều 19, khoản 1 điều 20 nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 01/2017/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai xử hủy quyết định và chấp nhận phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp và Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên các bản án này Tòa án nhân dân cấp cao đã xử Giám đốc thẩm và quyết định hủy toàn bộ các Bản án sơ thẩm nói trên để xét xử lại theo thẩm quyền. Mặt khác, tại thời điểm hộ gia đình ông Cát bị thu hồi đất là vào năm 2016 khi đó Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 chưa có hiệu lực pháp luật (có hiệu lực từ ngày 03/3/2017). Tại Điều 5 của Nghị định có quy định về Điều khoản chuyển tiếp như sau: “Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Nghị định này”. Như vậy, trường hợp của hộ gia đình ông T không được áp dụng các quy định của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 để được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp

Do các Quyết định nói trên đều đúng pháp luật và đã đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông T về việc buộc UBND quận B ra Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông T số tiền 114.757.071 đồng

Từ phân tích, nhận định và đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Do vậy, căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính xử bác các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T

**[4] Về án phí:** Yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính và Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn T là Người cao tuổi nên được miễn án phí.

**[5] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

Luận cứ và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ nhận định trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; Khoản 1, Điều b khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 88 và khoản 1, 2 Điều 89 Luật Đất đai năm 2013; Điều 31, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; khoản 1,3 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và điểm a khoản 1 Điều 12 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H .

Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1/Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T yêu cầu hủy các Quyết định sau:

Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết

Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu

Quyết định số 6914/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố H.
- Dương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

*Nguyễn Thị Kiều T*